

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **312/2021/HC-PT**

Ngày: 05/4/2021

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực thuế và yêu
cầu bồi thường thiệt hại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Phúc

Các Thẩm phán : Ông Nguyễn Hữu Thơ

: Bà Đỗ Thị Kim Phượng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Hương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ số 131 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 49/2020/TLPT-HC ngày 21 tháng 12 năm 2020 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 710/2021/QĐXXPT-HC ngày 24 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 2671/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Trần Văn T**

Địa chỉ: đường T, Phường H, Quận S, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Trường H**

Địa chỉ: đường N, Phường H, Quận T, Thành phố H.

(Giấy ủy quyền ngày 13/8/2018 tại Văn phòng Công chứng Phú Nhuận).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Nguyễn Hoàng H** - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh và bà **Võ Thị Như Q** - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực Quận M - huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: đường N, phường H, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Mai Văn Q** - Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực Quận M - huyện H, Thành phố H.

Người đại diện ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Trung T** - Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực Quận M - huyện H, Thành phố H.

(Theo Giấy ủy quyền số 70/GUQ-CCT ngày 22/5/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà **Đặng Thị P** và ông **Nguyễn Hồng P1**.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chi cục Thuế khu vực Quận M - huyện H, Thành phố H

Địa chỉ: đường N, phường H, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Mai Văn Q** - Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực Quận M - huyện H, Thành phố H.

Người đại diện ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Trung T** - Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực Quận M - huyện H, Thành phố H.

(Theo Giấy ủy quyền số 70/GUQ-CCT ngày 22/5/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà **Đặng Thị P** và ông **Nguyễn Hồng P1**.

3.2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên M

Địa chỉ: đường T, Phường H, Quận S, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Văn T**, Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hà Trọng Quốc D**, sinh năm 1995.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Nguyễn Hoàng H** - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 01/UQ ngày 25/6/2020).

3.3 Cục Q - Bộ C

Địa chỉ: đường T, quận B, Thành phố H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Hoàng H, ông Hà Trọng Quốc D, bà Đặng Thị P và ông Nguyễn Hồng P1 có mặt. Ông Lê Trường H, bà Nguyễn Thị Trung T, bà Võ Thị Như Q và Cục Q – Bộ C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 18/9/2018, cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, ông Trần Văn T có ông Lê Trường H đại diện, đã trình bày:*

Vào ngày 17/03/2018, ông T làm thủ tục xuất cảnh tại cửa khẩu sân bay

quốc tế Nội Bài thì bị Công an cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài lập Biên bản số 0155/BBDXC/ANCK-NB yêu cầu dừng xuất cảnh vì có Thông báo số 2588/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thuế Quận M yêu cầu tạm dừng xuất cảnh với ông T. Qua tìm hiểu, ông T được biết vì Công ty TNHH Một Thành Viên M nợ thuế và hiện không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh nên ông T là đại diện theo pháp luật cũng là thành viên góp vốn của công ty bị Chi cục Thuế Quận M yêu cầu dừng xuất cảnh.

Theo ông T, Thông báo số 2588/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thuế Quận M là không có căn cứ và hoàn toàn trái với quy định của pháp luật, vì:

Thứ nhất, ông T không nợ thuế.

Công ty M hiện đang nợ thuế và hiện không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh nhưng không thông báo địa chỉ kinh doanh mới là “vi phạm pháp luật về thuế” nhưng cá nhân ông T không nợ thuế nên yêu cầu tạm dừng xuất cảnh đối với ông T là không đúng. Mặc dù, Công ty M do ông T làm đại diện theo pháp luật, giữ chức danh giám đốc và là thành viên góp vốn nhưng Công ty M là một chủ thể có tư cách pháp nhân độc lập, nhân danh mình thực hiện các quan hệ pháp luật trong đó có pháp luật về thuế, về xử lý vi phạm hành chính..., cá nhân ông T không có vi phạm pháp luật về thuế nên Chi cục thuế Quận M không được yêu cầu tạm dừng xuất cảnh đối với ông T.

Thứ hai, theo các quy định pháp luật về tạm dừng xuất cảnh hiện nay:

- Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 136/2007/NĐ-CP quy định:

“Công dân Việt Nam ở trong nước chưa được xuất cảnh nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

.....

4. Đang có nghĩa vụ chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nghĩa vụ nộp thuế và những nghĩa vụ khác về tài chính trừ trường hợp có đặt tiền, đặt tài sản hoặc có biện pháp bảo đảm khác để thực hiện nghĩa vụ đó”

- Điều 53 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 (được sửa đổi bổ sung bởi: Luật số 21 /2012/QH13, Luật số 106/2016/QH13), quy định:

“Người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm dừng việc xuất cảnh của cá nhân trong trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo thông báo của cơ quan quản lý thuế.”

- Các văn bản hướng dẫn Luật quản lý thuế:

Khoản 1 Điều 40 Nghị định số 83/2013/ND-CP (được sửa đổi bởi Điều 5 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP) Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

“1. Người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm dừng việc xuất cảnh của cá nhân khi có thông báo bằng văn bản hoặc thông tin điện tử từ cơ quan quản lý thuế về việc người dự kiến xuất cảnh chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật trước khi xuất cảnh.”

Khoản 1 Điều 40 Thông tư số 156/2013/TT-BTC (được sửa đổi theo quy định tại khoản 12 Điều 2 Thông tư số 26/2015/TT-BTC) “Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp cấm xuất cảnh:

1. Người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.”

Như vậy, tất cả các quy định được dẫn chiếu nêu trên hoàn toàn không có quy định: Khi doanh nghiệp vi phạm pháp luật về thuế thì người đại diện theo pháp luật, giám đốc, thành viên góp vốn bị tạm dừng xuất cảnh. Do đó, yêu cầu tạm dừng xuất cảnh đối với ông T của Chi Cục Thuế Quận M là không có căn cứ, trái pháp luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, ảnh hưởng đến việc đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng của ông T đối với các đối tác nước ngoài, gây rất nhiều thiệt hại cho ông T. Không những thế việc này còn làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín cá nhân của ông T.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

- Tuyên hủy Thông báo số 2588/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thuế Quận M về yêu cầu cơ quan có thẩm quyền dừng xuất cảnh và những văn bản khác liên quan đến việc yêu cầu dừng xuất cảnh đối với ông T.

- Buộc Chi cục Thuế khu vực Quận M – huyện H bồi thường thiệt hại về danh dự cũng như thiệt hại do ông T không được xuất cảnh, tổng số tiền là 50.000.000 đồng.

- Buộc Chi cục Thuế khu vực Quận M – huyện H phải xin lỗi công khai ông Trần Văn T bằng hình thức văn bản và bằng 03 số báo liên tiếp của cơ quan báo chí cấp trung ương.

** Người bị kiện Chi cục Trưởng Chi cục Thuế khu vực Quận M – huyện H có bà Nguyễn Thị Trung T đại diện theo ủy quyền. Tại Văn bản số 2769/CCT-KTr4 và Văn bản số 217/CCT-KTr4 ngày 29/5/2020 bà Nguyễn Thị Trung T trình bày:*

1. Tóm tắt vụ việc liên quan đến nội dung khiếu kiện:

1.1. Ông Trần Văn T là đại diện pháp luật, giám đốc, người góp vốn của công ty M. Căn cứ theo thông tin trên hệ thống TMS và cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp:

- Công ty TNHH M (loại hình Công ty TNHH một thành viên).
- Giấy CNĐKKD: 0301124591 cấp lần đầu ngày 31/10/1995. Nơi Cấp: Sở KHĐT TP. Hồ Chí Minh.
- Mã số thuế: 0301124591.
- Địa chỉ: đường T, phường T, Quận M, TP. H.
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH Một Thành Viên.
- Ngành nghề kinh doanh: May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).
- Tình hình nợ thuế: Đến 10/2017 Công ty M nợ tiền thuế và tiền chậm nộp 757.605.604 đồng.

Chi cục thuế Quận M đã thực hiện các biện pháp cưỡng chế theo quy định của Luật Quản lý thuế như: Cưỡng chế trích tiền từ tài khoản ngân hàng của công ty, cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hoá đơn không còn giá trị sử dụng, cưỡng chế bằng biện pháp thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép đối với công ty M.

Chi cục Thuế Quận M đã ban hành Thông báo số 11892/TB-CCT ngày 20/10/2017 về việc người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký với cơ quan thuế đối với Công ty M. Đồng thời, ban hành văn bản số 2587/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017 gửi cơ quan Công an phối hợp xử lý đối với doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh còn nợ thuế và văn bản số 2588/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017 gửi Cục Quản lý xuất nhập cảnh về việc dừng xuất cảnh đối với ông Trần Văn T – Là đại diện theo pháp luật và là chủ sở hữu của Công ty M.

Đến thời điểm hiện tại do Công ty M vẫn chưa chấp hành nộp tiền nợ thuế và tiền chậm nộp vào Ngân sách nhà nước và không có văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế nên Chi cục thuế Quận M chưa thực hiện khôi phục mã số thuế cho Công ty và chưa ban hành thông báo giải tỏa Thông báo dừng xuất cảnh đối với ông T.

1.2. Xử lý vụ việc liên quan đến nội dung khiếu kiện của ông Trần Văn T. Căn cứ pháp lý:

Quy định về nghĩa vụ thuế đối với Doanh nghiệp:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định:
“Điều 8. Nghĩa vụ của doanh nghiệp

3. *Kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.*

6. *Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.”*

“Điều 73. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. *Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu (sau đây gọi là chủ sở hữu công ty); chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.*

2. *Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp.”*

Trong trường hợp này, ông T là chủ sở hữu của Công ty M (thuộc loại hình công ty TNHH một thành viên) thì cá nhân ông T phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty;

Quy định về xuất cảnh:

- Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 18/08/2007 về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam quy định:

“Công dân Việt Nam ở trong nước chưa được xuất cảnh nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

...

4. *Đang có nghĩa vụ chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nghĩa vụ nộp thuế và những nghĩa vụ khác về tài chính trừ trường hợp có đặt tiền, đặt tài sản hoặc có biện pháp bảo đảm khác để thực hiện nghĩa vụ đó.”*

- Luật Quản lý thuế 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 quy định:

“Điều 53. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp xuất cảnh

Người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm dừng việc xuất cảnh của cá nhân trong trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo thông báo của cơ quan quản lý thuế.

“Điều 54. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp giải thể phá sản, chấm dứt hoạt động”

- Khoản 10 Điều 5 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 40 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 của Chính phủ quy định:

“Người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm dừng việc xuất cảnh của cá nhân khi có thông báo bằng văn bản hoặc thông tin điện tử từ cơ quan quản lý thuế về việc người dự kiến xuất cảnh chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật trước khi xuất cảnh.”

- Khoản 12 Điều 2 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài Chính sửa đổi Điều 40 Thông tư 156/2013-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài Chính quy định:

“12. Sửa đổi Điều 40 như sau:

Điều 40. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp xuất cảnh

1. Người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

2. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm dừng việc xuất cảnh của cá nhân khi có thông báo bằng văn bản hoặc thông tin điện tử từ cơ quan quản lý thuế về việc người dự kiến xuất cảnh chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật trước khi xuất cảnh.”

2. Áp dụng các căn cứ pháp lý để chứng minh

Công ty M thuộc loại hình Công ty TNHH một thành viên, do vậy theo Điều 73 Luật Doanh nghiệp nêu trên, chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty, theo Điều 8 của Luật Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp này, ông T phải chấp hành nghĩa vụ khai thuế, nộp thuế và chấp hành xử lý vi phạm hành chính về thuế (nếu có) theo quy định của Luật quản lý thuế.

Căn cứ những quy định trên, cơ quan thuế phải thông báo cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh các trường hợp cá nhân chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.

3. Kiến nghị của Chi cục thuế

Việc Chi cục Thuế Quận M ban hành thông báo số 2588/CCT-KTr4 ngày

23/10/2017 gửi Cục Quản lý xuất nhập cảnh về việc dừng xuất cảnh đối với ông T là đúng với quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử:

- Căn cứ các khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 31, Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 193, 194 và 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Điều 8, Điều 73 Luật doanh nghiệp năm 2014;

- Căn cứ Khoản 4 Điều 21 Nghị định 136/2007/NĐ-CP ngày 18/08/2007;

- Căn cứ Điều 53 Luật Quản lý thuế 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006;

- Căn cứ Khoản 10 Điều 5 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Điều 40 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 của Chính phủ;

- Căn cứ Khoản 12 Điều 2 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài Chính sửa đổi Điều 40 thông tư 156/2013-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài Chính;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T tuyên huỷ Thông báo số 2588/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017 của Chi cục Trưởng Chi cục Thuế Quận M về việc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền dừng xuất cảnh đối với ông T;

Bác yêu cầu của ông Trần Văn T đối với Chi cục thuế Quận M2 (nay là Chi cục thuế Khu vực Quận M – huyện H) về việc bồi thường thiệt hại do ông T không được xuất cảnh, số tiền là 50.000.000 đồng;

Bác yêu cầu của ông Trần Văn T về việc buộc Chi cục thuế Quận M (nay là Chi cục thuế Khu vực Quận M – huyện H) phải xin lỗi công khai bằng hình thức văn bản và bằng 03 số báo liên tiếp của cơ quan báo chí cấp Trung ương.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/12/2018, ông T nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 09/2018/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 12, ông T nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Thảo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lê Trường H là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày:

- Ông T không chịu trách nhiệm về khoản nợ thuế của công ty M;
- Việc tạm dừng xuất cảnh của ông T không có căn cứ pháp luật;
- Thông báo số 2588/CCT-KTr4 tạm dừng việc xuất cảnh gây thiệt hại cho ông T và làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của ông.
- Bản án không căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa dẫn đến việc xét xử thiếu khách quan, không đúng pháp luật.

Đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người đại diện theo ủy quyền cho Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực Quận M - huyện H và Chi cục Thuế khu vực Quận M - huyện H có đơn đề nghị vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực Quận M - huyện H và Chi cục Thuế khu vực Quận M - huyện H trình bày:

Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV M: không có ý kiến và yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết và xét xử phúc thẩm vụ án hành chính. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Trần Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 12.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.]. Ông T nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn qui định tại Điều 206 và Điều 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.]. Người đại diện hợp pháp của Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực Quận M - huyện H và cũng đồng thời đại diện cho Chi cục thuế khu vực Quận M - huyện H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt đương sự.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính thì việc khởi kiện của ông T còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế. Ông T khởi kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính và đòi bồi thường thiệt hại. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp phải là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế và yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính. Tuy nhiên, quá trình xét xử cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các yêu cầu của người khởi kiện nên việc xác định thiếu quan hệ pháp luật tranh chấp không ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

[5]. Về đưa người tham gia tố tụng: cấp sơ thẩm đưa Cục Q vào tham gia tố tụng là không cần thiết vì cơ quan này không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án này. Việc cơ quan này không cho phép ông T xuất cảnh là thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng khác, cấp sơ thẩm xác định đúng và đã triệu tập đầy đủ.

[6]. Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện:

Ông Trần Văn T cho rằng việc người bị kiện ban hành Thông báo số 2588/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017 của Chi cục Trưởng Chi cục Thuế Quận M về việc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền dừng xuất cảnh đối với ông là không có căn cứ, trái pháp luật vì ông không phải là người chịu trách nhiệm về khoản nợ thuế của công ty M.

Xét thấy, Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được Đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 10 tháng 11 năm 2016 thì Công ty M thuộc loại hình Công ty TNHH một thành viên, vốn điều lệ là 68 tỷ đồng, ông Trần Văn T là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Khoản 1 Điều 73 Luật Doanh nghiệp quy định:

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu (sau đây gọi là chủ sở hữu công ty); chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

- Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 18/08/2007 về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam quy định:

“Công dân Việt Nam ở trong nước chưa được xuất cảnh nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

...

4. Đang có nghĩa vụ chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính,

nghĩa vụ nộp thuế và những nghĩa vụ khác về tài chính trừ trường hợp có đặt tiền, đặt tài sản hoặc có biện pháp bảo đảm khác để thực hiện nghĩa vụ đó.”

Theo quy định nêu trên thì tuy cá nhân ông T không nợ thuế nhưng ông T là chủ sở hữu Công ty TNHH MTV M, do đó, ông T phải có trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác kể cả tiền thuế của công ty trong phạm vi vốn điều lệ, tuy nhiên ông T không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh về việc chủ sở hữu công ty có đặt tiền, đặt tài sản hoặc có biện pháp bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Căn cứ vào Điều 53 của Luật Quản lý thuế và các văn bản pháp luật có liên quan thì Chi cục Trưởng Chi cục Thuế Quận M ban hành Thông báo số 2588/CCT-KTr4 dừng việc xuất cảnh đối với ông T là đúng quy định của pháp luật, nên việc ông T khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 2588/CCT-KTr4 và đòi bồi thường thiệt hại, xin lỗi công khai là không có cơ sở để được Tòa án chấp nhận.

[7]. Về án phí sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.500.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm tính gộp án phí hành chính sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm vào chung mục án phí hành chính sơ thẩm là không đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, việc này không ảnh hưởng đến số tiền án phí ông T phải nộp vào ngân sách nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về vấn đề này.

[8]. Từ những nhận định và phân tích nêu trên, xét án sơ thẩm đã giải quyết là có căn cứ pháp luật. Không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[9]. Về án phí hành chính phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận nên ông T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của ông Trần Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T tuyên huỷ Thông báo số 2588/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017 của Chi cục Trưởng Chi cục Thuế Quận 12 về việc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền dừng xuất cảnh đối với ông Thảo;

Bác yêu cầu của ông Trần Văn T đối với Chi cục thuế Quận M (nay là Chi cục thuế Khu vực Quận M – huyện H) về việc bồi thường thiệt hại do ông T không được xuất cảnh, số tiền là 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng;

Bác yêu cầu của ông Trần Văn T về việc buộc Chi cục thuế Quận M (nay là Chi cục thuế Khu vực Quận M – huyện H) phải xin lỗi công khai bằng hình thức văn bản và bằng 03 số báo liên tiếp của cơ quan báo chí cấp Trung ương.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Án phí hành chính sơ thẩm: ông T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002917 ngày 11/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12. Ông T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông T phải chịu 2.500.000 (*hai triệu năm trăm nghìn*) đồng.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: ông T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0105158 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

Trần Quang Phúc